

## BẢN LUẬN 57

Thể của Xứ, Phi xứ và Thiện xảo, là Hậu đắc trí, đắc tướng của nhân quả, thuận với Xứ trí, trái với Phi xứ trí.

**Luận:** Sở tri, lựa riêng với giải thích thông tất cả pháp.

**Luận ghi:** “Nướng vào Sơ thành biện môn là chỗ không nhiếp các tướng sai biệt khác”, là chỉ có ngoài Sơ thành biện môn. “Là chỗ không nhiếp”, đây là hiển thị khiến cho tất cả thứ sai biệt đều được nhiếp hết, chính là ba môn sau.

**Luận ghi:** “Không có Xứ, không có Vị, thô phần thủy hỏa đồng thời hội hợp là không có chuyện đó”, Xứ sở, Vị, Thời phần là nói không có Xứ sở không có thời gian. “Thô phần thủy hỏa”, là lựa riêng với nhiệt độ vi tế trong nước, như chất lửa tro là thô hỏa, tức là không cùng với nước ở một chỗ.

**Luận ghi:** “Không đoạn tất cả Phiền não và Tùy phiền não triền phược của Tham... mà tu bốn Niệm trụ là không có chuyện đó”, là khi Hữu lậu, vì chế phục Tham mới khởi Bất tịnh quán... cũng đã thành tựu Niệm trụ vô lậu tu.

Hai mươi hai Căn, bài tụng trong Câu-xá luận ghi: “Tâm nương Sai biệt này, Trụ này, Tạng nhiễm này, Tư lương này, Tịnh này, Y lượng này lập Căn”, theo tụng này do đó không được tăng hay giảm.

“Trên nghiệp quả thọ dụng tăng thượng mà lập năm Căn”, chính cái lo đó là không phải quả, nhưng đã đắc quả rồi thì cũng ở trong quả vị mà khởi thọ dụng, cho nên nói là: “Quả Thọ dụng”.

**Luận ghi:** “Hiển thị nghĩa Thọ dụng cảnh... của Nội môn cho nên lập ra sáu Căn, hiển thị nghĩa Thọ dụng của ngoại môn cho nên lập ra hai Căn”, là Nhân... sáu Căn, không mượn người khác làm duyên, tự thọ dụng Cảnh gọi là Nội môn, hai Căn nhờ người khác để thọ dụng cảnh giới thì gọi là Ngoại môn. “Hiển rõ nghĩa lỗi công đức của hữu tình mà lập ra tám Căn”, là ba Căn Vô lậu tìn trong năm Căn. Giải thoát phần là Công đức, năm Căn như Tín v.v... là Phước phần, Hữu lậu là lỗi. Lại nữa, Công đức là tám Căn, Lỗi là chỗ đoạn của tám Căn.

**Luận ghi:** “Y theo như vậy mà kiến lập sáu Căn, đối với tám câu Thi thiết mà lập sáu Căn”, là Danh tự thứ nhất, là Thể của thân Trung hữu; hai là Chủng tánh, tức là chủng tánh của cha mẹ; ba là thực (ăn) Khổ lạc như vậy; bốn là Trường thọ như vậy; năm là Trụ như vậy; sáu là thọ lượng Biên tế như vậy, sáu loại trên nướng vào phẩm tại gia mà thi thiết; bảy là Tín cho đến Tuệ mà lập năm Căn như Tín v.v... như vậy;

tám là bốn Quả mà lập ba thứ Vô lậu sau như vậy, để thi thiết phẩm tại gia và xuất gia này.

**Luận ghi:** “Tích tập thiện phẩm mà lập một tên”, là mạng căn nương vào mạng mà có, cho nên đắc tu thiện phẩm vì năm Thọ khởi tập nhiễm, nếu biết chân chánh tri mà hành thì không sinh năm Thọ tập nhiễm.

“Mười sáu Thật căn”, là toàn phần ba Căn vô lậu sau, bảy Sắc căn, Sắc căn và Ý căn; phần ít ba Căn vô lậu sau, tâm, năm Thọ và năm Căn như Tín v.v...; phần ít ba Căn vô lậu sau, là đối với Tâm sở và mạng căn không tương ứng mà nói. Ba loại Thật căn tối hậu là chín Căn phần. “Ý, Tín, năm Thọ và ba Thọ”, như Đối Pháp quyển 10 nói mười Căn, là Vị tri đương tri căn, luận kia thêm Ưu căn, luận này thì lấy mười lăm tâm Kiến đạo vị tri đương tri, vì trong đây không có Ưu căn, luận kia lấy Giải thoát phần thiện căn trở đi gọi là Sơ căn, cho nên trong mười Căn có thêm Ưu căn.

**Luận ghi:** “Mạng căn Vô lậu”, sư Pháp nói: “Cho nên biết mạng căn không những là tâm vương thứ tám, đồng thời thông trên năm Tâm sở mà lập”. Luận này giải thích không phải như vậy, trái với văn của Hiển Dương luận. Lại nữa, “Căn bản là phần thừa của phần thế lực, nam căn nữ căn và ba căn Vô lậu đều lấy phần ít Sở y căn của phần thế lực kia làm Thế, tương tự tâm Bản sắc”, những phần này nương vào mạng căn trên mà giả lập, không phải phần của căn Sở y. Nói rằng: “Không bị lệ thuộc”, không phải là chung trên năm Tâm sở mà lập, như Đối Pháp luận và Đối Pháp sao.

“Hỏi: Có bao nhiêu Thiện? Một phần ít hoặc tám căn, hoặc năm căn và sáu căn”. Hoặc là tám, là năm Căn như Tín v.v... và ba Vô lậu, “Giả thật luận chung là năm”, là chỉ có năm Căn như Tín v.v..., căn cứ theo năm Căn mà nói. “Toàn phần tám căn năm căn và phần ít sáu căn”, là năm Thọ và phần ít Ý, phần ít sáu bất thiện cũng là năm Thọ. “Và Ý, tám Vô ký”, là toàn phần bảy Sắc và mạng căn. “Phần ít năm Thọ”, là bốn Thọ đã trừ Ưu thọ ra và Ý là năm Thọ. “Có bao nhiêu Dị thực? Đáp: Có một, một phần ít mười căn”, là Ưu căn thuần có Dị thực. “Phần ít mười Căn”, là năm Căn như Tín v.v..., bốn Thọ và Ý, vì trừ Vô ký Vô lậu. “Phần ít mười căn không có Dị thực”, là phần ít mười căn trong mười một căn. mười một căn, là bảy Sắc căn, mạng căn và ba căn Vô lậu, vì tám Vô ký ở trước, ba Vô lậu ở sau, đây là phỏng theo trong Kiến đạo làm Sơ căn mà nói. “Phần ít mười căn”, là năm Căn như Tín v.v..., bốn Thọ và Ý, vì trừ ra thiện và bất thiện. “Có bao nhiêu

Dị thực? Đáp: Có một, phần ít của chín căn”, là toàn phần mạng căn; bảy Sắc căn, Ý và Xả là phần ít trong chín căn; còn lại Trưởng dưỡng, hai tánh của Sắc tâm, Ý và Xả... “Luận này thì lấy chỗ sinh tương tục không đoạn của nghiệp”, là căn. “Ba thọ Hỷ, Lạc, Khổ do gián đoạn cho nên không phải có vài chủng tử, mà tất cả là Dị thực”, sư Pháp nói: “Vì trong Dị thực Thức trì giữ, cho nên tất cả gọi là Dị thực”. Lại nữa, giải thích luận này căn cứ theo “tương tục gọi là Dị thực”, thì tức là tất cả chủng tử đều là tương tục, đều gọi là Dị thực. Đoạn văn này đại khái không giống đoạn văn trước, vì cùng với Địa ngục cõi dưới không có chủng tử nam nữ... vì không phải tương tục, như Thành Duy Thức quyển 2 giải thích. “Trong toàn phần mười hai căn”, là năm Căn như Tín v.v..., ba Vô lậu, Ưu, Hỷ, Lạc và Khổ, vì các pháp này là gián đoạn. “Phần ít chín căn”, bảy Sắc, Ý và Xả là phần ít chín căn. “Các chỗ còn lại như trên”, là mạng căn xưa nay là Dị thực. “Cõi Dục trói buộc toàn phần bốn căn”, là nam, nữ, Ưu và Khổ. “Phần ít trong mười lăm căn”, là năm Căn trong Sắc uẩn, ba Thọ, Ý, mạng căn, năm Căn như Tín v.v.... “Trừ ra Vô lậu”, câu này đồng với văn trước. “Phần ít mười lăm căn của cõi Sắc”, mười lăm căn trước là Vô sắc, vì trừ ra năm Căn trong Sắc uẩn, trừ Hỷ và Lạc. “Toàn phần ba căn trong tám căn không trói buộc phần ít chín căn”, không đồng như chỗ nói ở trước. “Cho nên mười một căn của Vị chí địa”, là Năm Căn như Tín v.v..., ba Vô lậu, thêm Ý, Hỷ và Xả. Nếu như vậy là không lập chi Hỷ hay sao? Vì gần cõi Dục bị tán động cho nên không lập Sơ căn bất định, đã xa cõi Dục rồi mới nói cho nên lập môn thứ nhất. Nói rằng “Vị chí vị”, là Ly sinh hỷ lạc thấm nhuần thân đó, đến lúc chu biến khắp thân trở xuống thì làm môn thứ hai, môn thứ nhất chỉ thấm nhuần Ý của nó, môn thứ hai làm cho khoái thích Thân... Môn thứ hai là thù thắng, môn thứ nhất thì yếu kém, tại sao nói môn thứ nhất là Lạc? Là để hiển rõ cũng có Lạc, đây là lập ra để hiển Hỷ, lấy ẩn và hiển nêu ra song song. “Chỉ lấy để hiển thị”, là lấy lý mà luận thì Địa này cũng có Lạc, vì khoái thích các căn cho nên gọi là Lạc, vì không có xứ sở cho nên không tùy theo Địa, năm căn ẩn cho nên không nói, nói cũng không có hại, Địa và pháp được nương thì thông với Hữu lậu và Vô lậu. Trong mười tám căn đầu trừ nam, nữ, Ưu và Khổ ra, trước đã nói là trói buộc pháp, chỉ có Hữu lậu cho nên thượng giới và hạ giới không đồng, cũng không có lỗi. Ba Thọ và bốn Thọ thì như thứ tự của nó trừ Hỷ và Lạc ra. Không xứ thì trừ năm Căn trong Sắc uẩn ra cho nên có mười một căn, Phi tướng vì đoạn Hoặc đạo cho nên có tám căn, hoặc Du quán thông với mười một căn, nhưng lấy mười một

căn của Không xứ làm chứng thì đồng với Đối Pháp, vì thù thắng hơn Giải thoát phần thiện căn, đều gọi là Vị tri Đương tri căn, cho nên mười một căn này cùng với trước trái nhau, đây là căn cứ theo phương tiện xa, vẫn trước thì căn cứ theo mười lăm tâm của Kiến đạo, căn này có một vẫn thì nói chỉ có Vô lậu, có đoạn thì nói thông với Hữu lậu và Vô lậu, có đoạn thì nói là do cõi Sắc trói buộc và cõi Sắc không trói buộc, lại cũng có đoạn nói chỉ có không trói buộc, có đoạn nói chín căn làm tánh, có đoạn nói mười căn làm tánh, có đoạn nói Giải thoát phần thiện căn thông với Phi tưởng, tức là đoạn vẫn mười một Căn tánh của Không xứ ở trước, đến các đoạn vẫn khác sẽ hiểu. Phi tưởng hữu lậu, đây là phỏng theo chủng loại Hữu lậu, là phỏng theo Đoạn hoặc đạo chủng không có cho nên gọi là Hữu lậu, hoặc phỏng theo Tương tục thông với hai chủng loại; hoặc nói Chủng loại ngay tại Địa đang hiện hành không có Chủng loại vô lậu đoạn hoặc. Lại nữa, do giải thoát phiền não cho nên gọi là Vô lậu, là Hậu đắc trí. Hoặc nói rằng: “Địa kia như trong thân La-hán có các căn lìa Lậu gọi là Vô lậu, không phải đoạn Lậu gọi là Vô lậu”. Văn dưới đó nói: “Phi tưởng có Vô lậu, không thể nói rằng do giải thoát phiền não, cho nên Hữu lậu căn thành sáu căn, trong thân Vô lậu gọi là Vô lậu”. Văn dưới trái nhau, cõi Dục phỏng theo nhiều người đang ở trong pháp.

Tất cả Na-lạc-ca có tám căn, chủng tử hiện hành đều thành tựu, trừ ra hai loại trong ba loại. Một loại trong ba loại là ba Căn vô lậu, một loại này phỏng theo hiện hành không thành chủng tử, hoặc thành và không thành mà nói; thứ hai là ba Thọ, trong đây rất sai lầm, xem Duy Thức quyển 6. Có hai tranh cãi về tám căn hiện hành đều thành chủng tử, là năm Căn như Nhãn v.v..., Ý, Mạng và Khổ, tám Căn này thuần tương tục, không đồng với Tiểu thừa, vì có mạng căn và Khổ căn cho nên đủ năm Căn, nam căn và nữ căn thì bất định, hoặc có hoặc không, hoặc chủng tử cũng bất định, như văn nói thì không có chủng tử của Căn vô lậu, vì cũng bị tổn, không đang hiện hành, cho nên không thành chủng tử, thuần nhiếp trong Hữu. Năm Căn như Tín v.v... cũng vậy, như Tà kiến thì làm tổn và khắc phục thiện chủng, cũng gọi là không thành chủng, đây là phỏng theo văn trong ba loại thành tựu, không đang hiện hành thì không thành chủng tử, quyết định ở trong Hữu. Thứ hai của nó là ba loại Hiện hành không thành chủng tử quyết định, là Hỷ, Lạc và Xả, đây là phỏng theo sáu Thức mà luận Tác pháp.

Hỏi: Tại sao Xả cùng với Thức thứ tám đồng thời mà không nói thuần Hiện hành thành tựu, và Ưu thì nói rằng Khổ thuần có trong đó?

Đáp: Xả thọ bị Khổ chiếm đoạt, như văn của quyển 51, cho nên chỉ nói Khổ. Lại nữa, phỏng theo Tác pháp của sáu Thức cho nên không có, Thức thứ tám đồng thời với Xả, Xả trong Thức thứ sáu là thiện nghiệp, vì chiêu cảm gián đoạn cho nên không Thủ. “Không nắm lấy Ưu căn”, đây là Ưu căn của Đại thừa ở tại Cực khổ xứ, như Cực hỷ thì gọi là Lạc, Ưu này gọi là Khổ, Cực khổ kia chỉ có Khổ, không nói là không có Ưu, vì tạm mượn để khởi Ưu cho nên không nói. Nếu như thế tại sao không ở trong Căn thứ hai và thứ ba Hiện hành không thành chủng? Trong thành chủng, vì cùng với Khổ ở một chỗ cho nên được tên khác là Khổ, do đó không nói. Chỉ có năm Căn như Tín v.v... và hai căn nam nữ, Hiện hành đều bất định, các Ưu căn khác, nghĩa cũng như vậy, cứ theo đó mà biết. Quyển 2 có giải thích: “Tám Căn là Hiện hành chủng đồng thời thành”, là lấy Xả mà trừ bỏ Khổ, đây là phỏng theo Thức thứ tám sau khi Tác pháp, thì Hiện hành không thành chủng.

Hỏi: Nắm lấy Khổ trong một mực Thành chủng, tại sao trước không nói là Khổ?

Đáp: Vì có dứt hết.

Hỏi: Tại sao ba Căn sau không nói là Ưu?

Đáp: Vì lẫn nhau có và không, như có như không.

Hỏi: Như có Lạc thì có Hỷ lạc, không lẫn nhau có hoặc không, tại sao Ưu khổ lại như thế?

Đáp: Vì cũng là Cực khổ, Ưu lưu nhập vào Ý cho nên gọi là Khổ, không nói là Ưu khổ, mà nói rằng khi Ưu thì trừ Khổ. Giải thích là thù thắng. Trong đây, Thắng Quân và Hộ Nguyệt vốn có hai chỗ tranh cãi, Hộ Nguyệt lấy để làm chứng.

Luận ghi: “Hỏi: Khuyết căn thì thành mấy Căn? Đáp: Trừ năm Căn ra còn có các Căn khác”, là trừ ra nam, nữ và ba Căn vô lậu, không được khuyết các căn Nhân, Nhĩ... vì không phải quyết định Khổ, khuyết nam căn và nữ căn thì quyết định khuyết ba Căn sau.

Hỏi: Điều đó thì cùng với năm nhân của Bán trạch nào có khác gì?

Đáp: Trước căn cứ theo Sinh thì Vô hình, Bán-trạch-ca thì căn cứ theo Hữu hình, vì đã trừ Khổ cho nên khác nhau. Trong đây lại không văn, cho nên, cho nên biết khuyết nam căn và nữ căn thì không được nhập Thánh. “Lại nữa, nếu căn cứ theo như Tiểu thừa thì không phương ngại”, là Tiểu thừa kia cho rằng: “Nhập Thánh đến bốn Thiện căn rồi mới khuyết thiếu, chưa phương ngại nhập Thánh”, trước khuyết thiếu thì có thể như thế, nhưng luận này thì căn cứ theo trước không thiếu

khuyết, thì sau đó Thánh mới không sai lầm, nam nữ lẫn nhau không có hai hình, thì không có Đoạn thiện của ba Căn vô lậu, trừ bỏ tám Dị sinh ở sau thì thành mười chín Căn. Được nhập Kiến đạo từ ban đầu trở đi, thì gọi là Vị tri căn, như trước mà hiểu. Tất cả Học và Vô học đều gọi là Kiến đế, là đầy đủ tất cả Hữu học trừ Cự tri căn; hai mươi một Vô học trừ hai Căn vô lậu đầu cùng với Ưu; mười chín Sơ hướng trừ hai Căn vô lậu ở sau; hai mươi Sơ quả trừ Căn vô lậu thứ ba; hai mươi Bất hoàn trừ Ưu và hai Căn vô lậu thứ nhất thứ ba; mười chín La-hán thì cũng như Vô học; cõi Sắc trừ nam, nữ, Ưu và Khổ căn; cõi Vô sắc thì trừ thêm năm Căn như Nhân v.v...; Sơ căn của Sắc vô lậu thì phân biệt như trước; y theo thành Kiến đạo thì chỉ ở tại Vô sắc của năm Địa, tức là không có thân, sau mới nói. Vô sắc tức là năm Căn như Tín v.v... trong Hữu đắc xả mà khởi hay sao? Phương tiện xả thù thắng bị yếu thì không có sinh tử được xả. Nói rằng: “Hai mươi một Căn là do nghĩa của cảnh giới mà được tên, có nghĩa cũng không phải một”, là mạng. Như giáo lý tương đối, giáo hay hiển thị lý thì lý gọi là nghĩa, Căn đối với Cảnh thì Cảnh gọi là Nghĩa, bảy Sắc riêng mình nó không thể đối với nghĩa mà chuyển, cùng với Phi sắc làm Trợ bạn mới có thể nắm lấy Cảnh, còn lại mười bốn Căn thì Sắc và Phi sắc làm Trợ bạn. Nghĩa của Thọ căn, là vẫn thuận với pháp của năm Thọ, tức là cùng với với nghĩa sáu Căn của Ý. Nghĩa của Vị tri đương tri căn, Thiện pháp dục trở đi tức là nghĩa của năm Căn, đây là căn cứ theo Thật thể, thông với ba cõi trói buộc và không trói buộc, vẫn dưới và vẫn trên hoặc nói rằng: “Chỉ có Vô lậu, hoặc chỉ có cõi trói buộc và không trói buộc”, đây là căn cứ theo Vô lậu, chỉ lấy mười tám tâm của Kiến đạo, hoặc là gồm lấy Quyết Trạch phần thiện căn, cho nên thông với cõi Sắc trói buộc và không trói buộc, như luận này thì cũng thông với ba cõi trói buộc và không trói buộc, cũng không có trái nhau. Đối với văn của luận này: “Lại càng không Hiện hành trở lại, vì Hữu sắc làm nghĩa”, là bảy Sắc, còn lại thì trừ mạng căn.

Hỏi: Mười bốn Căn lấy Sắc và Phi sắc làm nghĩa, thì Khổ căn thông nhau như thế nào?

Đáp: “Kiến phần của Khổ căn lấy Sắc làm nghĩa, Tự chứng phần lấy Sắc làm nghĩa. Lại nữa, nói chung là Kiến phần của Khổ căn không có, cho nên hai mươi hai Căn đều không phải là Hữu kiến, Kiến là Sắc trần. Nhân căn, một phần là Hữu sắc, vì Hữu kiến và Sắc trần làm nghĩa, cùng với một phần Phi hữu sắc và Nhân đồng thời. Duyên cùng với Nhân không đồng thời mà nắm lấy Sắc, đây là nói Hữu kiến, là chính



Phạm bản. Nói Khả kiến, theo không phải Phạm bản nói rằng: “Cũng có thể gọi là Hữu hiện sắc”, tướng Trần thô hiển gọi là Hữu hiện, mười bảy Giới thì không phải như thế. Hiện, tức là có thể hiển thị nơi đây hay nơi kia, như có thể hiện hình ảnh, như ảnh tượng trong gương trong nước, điều này chỉ có Sắc gọi là Hữu hiện. Hữu kiến hiện trong Phạm Bản có hai giải thích, nhưng vì chữ Hiện theo thế tục vốn không có bộ Ngọc, cho nên luận này đổi thành chữ Kiến, không có một phần Sắc thì Danh hữu đổi làm nghĩa, Thể không phải Hữu đối, hoặc cùng với Đối đồng thời duyên. “Hữu lậu và Vô lậu của Khổ căn lấy Hữu lậu làm Cảnh”, là Thể hữu lậu, tại thân Vô học thì gọi là Vô lậu, vì không phải Lậu cho nên gọi Thể vô lậu là pháp do giới trói buộc, văn trên và văn dưới không trái nhau. Lại nữa, Khổ căn của Vô lậu, là dẫn đường cho Vô lậu cho nên gọi là Vô lậu. Ưu căn thì không phải như vậy, lấy tám Hữu vi làm nghĩa. Bảy Sắc và Khổ, văn trên và văn dưới trong đây nói: “Trong nghĩa đều không có mạng căn”.

**Luận:** Khổ căn và Hữu sắc, bảy Căn ở tại Quá khứ và Phi quá khứ làm nghĩa”, sư Pháp nói: “Tám Căn này ở tại vị lai và quá khứ, đều là ngay trong đời hiện tại, tuy có Nghĩa và Cảnh, nhưng nói rằng không có”. Lại như tám Căn hiện tại duyên Cảnh, thì tám Căn này đang ở hiện tại nhưng Cảnh thì đã vào quá khứ, tám Căn này niệm thứ hai tiếp theo Cảnh sau đó, khi cũng nhập vào quá khứ thì gọi là Quá khứ, Phi quá khứ làm nghĩa. Nhưng hiện tại đồng duyên, thì đồng nhập vào quá khứ, quá khứ cũng duyên quá khứ. Luận này giải thích là cũng như Vô sắc căn, ngay trong hiện tại mà duyên chung ba đời, ngay tại nghĩa của đời quá khứ và đời vị lai mà nói thì mỗi mỗi đều duyên Cảnh của ba đời. Tám Khổ căn... trong hiện tại thì chỉ duyên hiện tại, cho nên chỉ giả thiết. Khi lưu chuyển vào quá khứ, thì thế lực suy yếu, cho nên ngay tại vị lai... không nói là duyên đời hiện tại.

Hỏi: Như trước đã giải thích, tại sao Căn và Cảnh đồng tại hiện tại mà được duyên, Căn trụ Cảnh hiện tại thì trước đã nhập vào quá khứ?

Thuật rằng: “Sắc trần hiện tại trước đã nhập vào quá khứ, Nhân vị lai thì nhập vào hiện tại, Nhân căn hiện tại thì đã nhập vào quá khứ rồi, không thể duyên quá khứ. Lại nữa, hiện tại không có Căn của Thức cùng với Sắc đồng thời nhập vào quá khứ thì không thể duyên Cảnh của quá khứ.

**Luận ghi:** “Lại nữa, một phần này ở tại vị lai lấy quá khứ và hiện tại làm nghĩa”. Vô sắc căn trước ở tại vị lai duyên ba đời hay sao? Căn của tám Sắc ở tại vị lai, không phải vị lai làm nghĩa, cũng lấy Căn và

Cảnh đồng ở tại đời vị lai mà được, nhưng khi Cảnh nhập hiện tại và quá khứ, thì Căn ở tại vị lai, là nói Căn này đang nhập vào Cảnh của quá khứ và hiện tại, cho nên nói rằng vị lai không duyên vị lai, đây là giải thích sau, cứ theo chỗ đồng với giải thích trước, thì có bốn Dục trói buộc, lấy Dục trói buộc làm nghĩa, tức là Khổ ưu, nam nữ. Ưu khổ chỉ lấy cõi Dục làm nghĩa, đây là căn cứ theo đa phần mà luận. “Lại nữa, vì tướng phần của Ảnh tượng từ Kiến phần, từ Kiến phần là cõi Dục, còn lại thì nói rằng duyên chung ba cõi không trói buộc”, đây là căn cứ theo Bản chất mà luận, không trái nhau. “Lại nữa, căn cứ theo Duyên của năm Căn môn:

1. Chỉ duyên cõi Dục.

2. Cõi Dục trói buộc và cõi Sắc trói buộc, thì cõi Dục trói buộc làm nghĩa, là Tỷ và Thiệt tuy cõi Dục và cõi Sắc không có Thức duyên, nhưng chỉ lấy Dục trói buộc làm nghĩa.

3. Nghĩa của cõi Dục trói buộc và cõi Sắc trói buộc cũng vậy, Nhãn, Nhĩ, Thân có hai thứ trói buộc là cõi Dục cõi Sắc trói buộc và không trói buộc, lấy ba cõi trói buộc và không trói buộc làm nghĩa”, là Hỷ lạc thông với cõi Dục trói buộc, cõi Sắc trói buộc và Vô lậu, cho nên bảy thứ năm Căn như Tín v.v..., Ý, Xả và ba cõi trói buộc, không trói buộc cũng vậy.

Một loại Vị tri đương tri căn là cõi Sắc trói buộc và không trói buộc làm nghĩa, thông với ba cõi trói buộc và không trói buộc, là Quyết Trạch phần và Vô lậu trí là Thể của Căn này, đã như trước mà hiểu, hai Căn dưới cũng có thể biết, Giả thật của năm Căn như Tín v.v... và ba Vô lậu hợp chung mà luận. Tám Thiện lấy ba tánh làm nghĩa, năm Thọ trừ Ưu ra (bốn Thọ) và lấy thêm Ý làm năm Căn, thông với ba tánh, lấy ba tánh làm nghĩa. Một Ưu căn và Thiện bất thiện lấy ba tánh làm nghĩa. Tỷ, Thiệt, Thân, Nam, Nữ là năm thứ Vô ký, chỉ lấy Vô ký làm nghĩa. Nhãn, Nhĩ là hai thứ Vô ký, lấy ba tánh làm nghĩa. Đây là căn cứ theo Biểu nghiệp giả. Năm Căn như Tín v.v... cùng với Hỷ, Lạc, Xả và Ý là chín thứ, thông với Tam học, lấy Tam học làm nghĩa, bảy Sắc cùng với Phi học và Phi vô học trở lại lấy Tam học này làm nghĩa. Khổ căn thông với Tam học. “Phi học Phi vô học làm nghĩa”, là Thể của Khổ, là Hữu lậu, hoặc ở trong thân của Học và Vô học mà khởi. Nói rằng thông với Cảnh của ba chủng tử, chỉ có Phi học và Phi vô học lấy Thật làm Không, vì Vô lậu quán dẫn khởi cho nên nói là thông. Ưu không phải Không quán dẫn sinh cho nên không làm thông lệ cho Khổ ưu và Phiền não đồng thời đa phần. Một Ưu theo Đối Pháp thì hai thứ Căn vô lậu đầu



làm Thể, vì lấy mười Căn. Nói rằng Học và Phi học Phi vô học lấy ba tánh làm nghĩa, như văn trước nói chín Căn của Vị tri dục tri căn, là đắc chín Căn vô lậu mà nói, đây là thông với Thiện pháp dục trở đi, cho nên nói là thông với Học, Vô lậu thứ nhất và thứ hai là Học, lấy ba chủng tử làm nghĩa. Cụ tri căn là Vô học, lấy ba chủng tử làm nghĩa. Đáp có mười bốn Căn, “Một phần Kiến sở đoạn, và một phần Tu sở đoạn”, là bảy Sắc, Mạng, năm Thọ và Ý, là phân riêng với Bất thiện. “Và nghiệp quả này”, là Đoạn kiến, còn lại là Tu đoạn có mười hai thứ, “Một phần là Tu sở đoạn và một phần là Phi đoạn”, là trong mười bốn Căn trước có sáu căn. “Còn lại sáu Căn là trong sáu Căn trước”, là năm Thọ và Ý. “Còn lại sáu Căn là năm Căn như Tín v.v... và và Vị tri dục tri căn, vì thông với Lậu và Vô lậu.

Hỏi: Tại sao hai căn Ưu và Khổ nói là Bất đoạn?

Đáp: Thể của Khổ căn là Đoạn pháp, ở tại thân của Vô học mà khởi, cũng như trước đã nói. Ưu căn thuận theo Ly dục mà nói, thì làm Thể của hai Căn vô lậu thứ nhất và thứ hai, Thể của Căn vô lậu không đoạn, cho nên tùy theo đó mà nói là Bất đoạn. Tuy thân của Vô học không có, nhưng vì Thể là Thiện pháp cho nên chỉ đoạn duyên trói buộc, không phải đoạn Thể, tâm ưa thích Niết-bàn cũng gọi là Bất đoạn. Từ quả thứ ba trở đi, thì Phi trạch diệt không khởi, cho nên nói Tu đoạn và Bất đoạn. “Lại nữa, giải thích sáu Căn ở trước”, là trong năm Thọ trừ Ưu ra (bốn Thọ) cùng với Ý và mạng căn. Mạng căn thì ở tại Thân của Vô học, vì giống như Khổ căn, hoặc Vô lậu với Như Lai. Nếu như thế thì năm Căn của thân Vô học, làm sao thông với hai loại Phi đoạn còn lại? Tức là hai loại Căn vô lậu sau làm Thể. Nếu không như thế thì Ưu căn có mười thứ cũng đồng với Dĩ tri căn lấy thêm của Đối Pháp luận, văn này là chứng Thiện pháp của ba đường ác, không phải Kiến đạo đoạn, sáu Căn sau chỉ có Tu đoạn và Bất đoạn. Như Biệt sao nói: “Các Căn Vô sắc có ba loại Kiến đoạn, Tu đoạn và Phi đoạn”, thì tại sao duyên của Khổ căn không đoạn? Một là từ đa phần mà nói, trong Vô sắc Căn cũng trừ Khổ căn ra, Khổ căn chỉ có Kiến và Tu làm nghĩa, luận này cũng từ đa phần mà nói. Lại nữa, giải thích theo Khổ căn, thì Tự chứng phần thứ nhất là Kiến đoạn, gọi là Duyên không đoạn, trước căn cứ theo Kiến phần, thì gọi là duyên cõi Dục... cũng không có trái nhau. Có bao nhiêu Căn là chỗ hiển của Tạp nhiễm xả? Trừ các Thiện căn ra thì nói rằng Tạp nhiễm tức là chỗ xả thanh tịnh, là Năng xả. Lại nữa, giải thích Xả là Xả căn, trừ Thiện tánh căn ra, các Căn còn lại có thể sinh Tạp nhiễm, Xả căn tức là trừ ra tám Thiện căn, một phần năm Thọ

thiện... ở trước chỉ là một phần Thiện, tức là chỗ hiển của Thanh tịnh xả, đây là đại khái làm nghĩa của Sở duyên, có thể sinh Tạng nhiễm xả... Sáu Căn là nghĩa điền đảo, là năm Thọ và Ý là điền đảo, tại sao không nói là một phần? Lại nữa, nói sáu Căn, là Nhân... sáu Căn, đây là căn cứ theo Cảnh khởi điền đảo khắp hết. Điền đảo Tự tánh, là sáu Căn. Phần ít, là năm Thọ và Ý. Phần ít trong đây, do đó mà biết Nhân... sáu Căn làm nghĩa của điền đảo, Thắng tín... tám thứ có thể đối trị. Trong lỗi của Dục, hoặc có tám thứ là tám thứ Tín... là hợp chung giả thật mà luận; hoặc có năm thứ là chỉ có Thật tín... năm thứ. Một là Ý căn, lại cũng có năm thứ là năm Thọ, như tu trị Đoàn thực tưởng, Khổ căn cũng có nghĩa Năng trị. Hoặc một là Tuệ, có thể chánh đối trị, dưới đó có bốn đức, là Thường, Lạc, Ngã, Tịnh. Đức thứ ba là Khiên dẫn, là Đắc thứ nhất, đã đắc rồi thì tu trị, tu trị rồi thì dùng, dùng rồi thì xả bỏ “có dụng này”, tự tại chuyển biến, đó là Ngã. Vị trí dục tri căn chứng quả thứ hai thứ ba, nương vào Xứ...”, đây là căn cứ theo sự siêu vượt nhân loại mà nói.

**Luận ghi:** “Câu đầu nói về Cộng tướng”, là một câu “thân này có Sắc”. Câu thứ hai là Tự tướng, là chỗ tạo thành của thô trước, lựa riêng với Sắc của cõi Sắc. Nói rằng: “Tự tướng nương vào Nhân, Sinh nhân và Tăng trưởng nhân”, là chỗ tạo thành của bốn Địa là một, cho đến chỗ trưởng dưỡng là ba. Chỗ tạo tác che lấp của Hàn, chỗ tạo tác tẩm gội của Nhiệt, Lao nhọc là Án-ma. “Hai loại đầu nói là Vị, là cắt đứt phá hoại hai Sinh thời, có Sinh thời cho nên có Tử thời, đó có hai Vị, là pháp Tán diệt, tức là có hai thứ do pháp khác mà tan diệt và tự nhiên tan diệt. “Lại nữa, Tán là một và Diệt là một, do tám chỗ mà nam bị nữ trời buộc”, một là vũ múa, hai là ca hát, ba là cười, bốn là liếc nhìn, đây là khi vui đùa nhan sắc xinh đẹp. Một là điệu xúc, hai là phụng thờ, ba là thành lễ, bốn là (không có vấn), đây là khi thọ dụng, bình đẳng và chánh trực mà thọ. “Thọ sở nhiếp”, sư Pháp nói: “Tự tướng là tự tướng của Hỷ lạc, Cộng tướng là Năng lãnh thọ”. Tướng Y chỉ, là Thọ này có thể nhiếp lợi ích, vì nương vào Tướng, Y chỉ tức là Thân. Luận này giải thích Tự tướng, là chỉ có Hỷ thọ ở tại Ý, Cộng tướng là Lạc thọ, vì thông chung tại sáu Thức. Tướng Y chỉ là Năng nhiếp ích này, vì là Thân của Y chỉ. Tự tướng và Cộng tướng, tức là nêu ra Thể của Thọ bình đẳng chánh trực. Y chỉ, là hiển thị chỗ nhiếp của Thọ.

**Luận ghi:** “Đây là hiển thị Tín của nó đối với Văn tư tu có Thắng giải kiên cố”, là thuộc Căn trước sinh kiến lập, là Tịnh tín có thể cùng với Văn làm Căn, sinh ra Tư của nó mà kiến lập Tu tuệ. “Lại nữa, Kiên cố này tùy theo Tín giải phương tiện mà hiển thị”, là Trí sinh ra các loại

Chủ, Tịnh, Tối thắng... Người tương đương (với Trí), là Sa-môn trước, là Trí, vì bậc Trí là Sa-môn. Sinh là Bà-la-môn, trong bốn tánh thì Sinh là thù thắng. Chủ là Thiên ma, là Chủ của cõi Dục. Tịnh là Phạm, tức là Phạm vương. Tối thắng là câu tổng quát, thông với các câu trên, là “kiên cố tùy theo Tín phương tiện mà hiển thị các Thiện thù thắng, vì pháp Trí sinh ra, cho nên không thể động nó. Đây là đặc Tín giải Vô lậu, cho nên gọi là Bất hoại.

Giải thích thứ hai, là do Tín thắng giải của thế gian cùng với Thiện xuất thế gian làm Căn bản, tức là Thiện tín Vô lậu, Thắng giải thanh tịnh kiến lập kiên cố. Giải thích trước và giải thích sau đều thông với Vô lậu, nhưng kiến lập thì có khác chút ít, như “Căn trước sinh kiến lập” thì thuộc về Văn tứ tu, giải thích sau là Căn sinh kiến lập, là thuộc Tín hữu lậu sinh Tín vô lậu... Lại nữa, giải thích Tịnh tín sâu chắc là Văn tuệ tương ứng với Tín căn mà sinh, là Tư tuệ tương ứng với Tín mà kiến lập, là Tu tuệ tương ứng với Tín, tức là lấy Văn tứ tu của các câu trên, phải biết câu thứ nhất là câu nêu tổng quát, hai câu sau là câu giải thích, từ “sâu chắc” trở lên là câu thứ nhất tổng nêu, từ câu “Căn sinh kiến lập làm tất cả thế gian” trở xuống, hợp chung làm một hai đoạn văn này. Trong câu thứ hai của hai câu sau giải thích, Tín kiên cố là Tịnh tín kiên cố, làm Thiện căn bản của xuất thế, là Căn sinh Thiện pháp tịnh thắng giải của xuất thế, là kiến lập ở trên, phải biết năm Tinh tấn như văn trong bài tụng mà phối hợp, xem Đối Pháp quyển 1.

**Luận ghi:** “Các chỗ nhiếp của Thiện pháp, Căn, Tín... khác”, là ba thứ Vô lậu sau, vì Giả không lìa Thật cho nên không nói riêng, nhưng từ trên đến đây chỉ thuyết minh đã xong mười sáu Căn, gồm không có ba căn Khổ, Lạc và Xả, nhưng trong thứ tự thì ba Căn sau chưa nói, hiện tại là riêng chỉ ra bảy Sắc, Thân, Niệm Trụ, năm Thọ và Ý căn, chín pháp sau thì như luận mà biết. “Thắng khổ đế nương vào chín Căn”, là bảy Sắc, Mạng và Xả. “Tập có năm thứ”, là quả của năm Thọ, vì là gốc của tạp nhiễm. “Tất cả nhiễm của Diệt đế”, là Đoạn. “Đặc tịnh”, là chứng đắc tám Đạo, có thể biết. Lại nữa, giải thích Thủ căn và Xả căn của Khổ đế, như trong Tập đế bỏ Xả lấy Ý, hoặc trong Khổ đế không lấy Xả thọ. “Lấy Ý căn”, tức là Tập đế lấy Xả căn. Nói rằng: “Thiện tư có chín Căn”, là năm Căn như Tín v.v..., ba Vô lậu và Ý căn, vì từ Ái nhiễm môn mà nói. “Thiện mà nói là mười”, là trong chín Căn thêm Xả căn, vì từ Thiện mà nói. “Mười sáu Căn”, là trừ ra chỗ tư duy Nam, Nữ, Ưu, Khổ, Mạng và Ý của Ác tư. “Sáu Căn”, là năm Thọ và Ý, vì lấy phần Nhiễm, hoặc năm Thọ trừ Xả ra mà nói. Lại nữa, đồng với

lấy sáu Căn, ngược với từ Thiện trở lại cho nên chỗ tạo tác của Ác tác có mười ba Căn, trừ tám Thiện sau và mạng căn. Lại nữa, giải thích Thiện tư có chín Căn, là lấy năm Căn như Tín v.v..., Hỷ, Lạc, Xả và Ý, là chín căn, trừ ra Khổ và Ưu. Khổ thì tại năm Căn, không phải tại Tư, Ưu thì không phải thích khoái cho nên không lấy. Nói có mười căn, là thêm Ưu, vì Ưu khởi các ngôn từ hay khéo. Thiện tác có mười sáu, là năm Căn như Nhãn v.v..., mạng căn và thêm mười căn trước, là mười sáu căn, làm Thân nghiệp tổng nương vào nam căn và nữ căn, không phải Thiện căn Vô lậu, nhưng không phải Thật cho nên không thông với phạm tình. “Hoặc Ác tư”, là ba căn chỉ nương vào Ưu căn, Khổ căn và Xả căn, thuộc Ác tánh. Ác thuyết là thêm Hỷ căn và nhiệm phần của Sắc, tức là bốn căn, Ác tác thì thêm năm Căn như Nhãn v.v... và mạng căn nữa là mười căn, hoặc gồm lấy nam căn và nữ căn là mười hai căn. Nói rằng: “Tối thắng hoặc Nghiệp y xứ có chín Căn”, tức là bảy Sắc căn, Khổ và Ưu, nương vào năm Thọ mà khởi Phiền não nghiệp. “Tám căn đoạn lãnh thọ của phiền não nghiệp”, trừ ra hai căn là Khổ và Ưu. “Lãnh thọ kiết tường và bại hoại có mười một căn”, là bảy Sắc căn, Ưu căn và Khổ căn. “Và Ý mạng có thể dẫn khởi”, là tám căn sau, tức là tám Khổ. “Năm loại khởi kiết tường”, là quán người mà xả, là loại thứ ba, bốn loại còn lại có thể biết. “Mười loại Nhẫn nhục”, ba loại đầu duyên ba đời; hai loại kế là Ái ngã và Oan gia; vì nhiều ích tăng trưởng tri thức của Ngã, làm tổn năm loại kiết tường trên, cho nên gọi chung là loại thứ sáu. Tất cả oán hại nhẫn oan gia, oan gia muốn khởi phương tiện để hại, cũng nhẫn nhịn phương tiện kia, là Oán hại nhẫn. “Lại nữa, giải thích Tất cả oán hại nhẫn”, là chỉ gặp oán hại thì liền nhẫn nhịn. “Tất cả nhân Nhẫn”, là oán khởi nhân muốn hại thì liền nhẫn nhịn. Thọ giáo nhẫn là thứ tám, là được người khác dạy bảo nhẫn nhịn, cho nên tự mình suy nghĩ chọn lựa mà có thể nhẫn nhịn; thứ chín là Sinh tu nhẫn; Tự tánh oán hại nhẫn là thứ mười. Hoặc có người nghe lời người khác đến hại mạng mà nhẫn, gọi là Thọ giáo oán hại nhẫn; hoặc người khác khéo suy nghĩ chọn lựa đến hại ta, gọi là Trạch lực nhẫn. Tự tánh là bản tánh hay làm hại. “Lại nữa, tất cả nhân oán hại nhẫn”, là lấy oán hại làm nhân, cũng có các Dục trong các sự Nhẫn, đều có thể nhẫn nhịn thọ giáo. Trở xuống còn ba Nhẫn như thứ tự của nó, Văn tư tu tương ứng với ba Nhẫn đó.

**Luận ghi:** “Xả tướng và Xả cụ trong đây gọi là Xả”, sư Pháp nói: “Tướng là Thể”, tức là Vô tham tương ứng. “Tư cụ” như trên đã trình bày. Lại nữa, Tướng thể của Xả tướng, tức là Tối thắng xả thứ năm, vì

xả thân của mình. Cự, là bốn thứ vật dụng nuôi dưỡng.

“Vô điền đảo trái với nhờ cậy”, là đối trá lấy vật của người khác, cho là mình có thì gọi là Điền, luận này thì không có điều này.

Trong Bất phóng dật, “tu tập các Thiện pháp để phòng hộ tâm bất thiện...”, là tu Thiện pháp cũng có Nhân tướng và Quả tướng, phòng hộ bất thiện cũng vậy, cho nên nói đều là tướng kia, đều là Tướng nhân quả .

Năm Lực, phối hợp riêng cũng được, phối hợp chung cũng được.

“Trước hết Phiền não đắc tám thứ”, là bảy Sắc, Mạng và Ý chuyên nhất, Danh sắc làm duyên; Sáu Xứ thì Phiền não đắc thứ sáu, Xúc làm duyên; thì tám Thiện như năm Thọ và Tín... lấy Tinh tấn làm duyên; bảy Sắc và Mạng phải đề phòng, Ý chuyên nhất phải điều hòa tĩnh dưỡng, năm Thọ phải ngưng lặng, thì tám Thiện như Tín... tánh được điều thuận.

“Bi trói buộc Bồ-tát”, là trói buộc khiến cho không lia sinh tử như ngựa bị cột.

Hỏi: Nương vào Vị chí định, khi đắc quả thứ ba thì khởi Hỷ căn của Sơ tĩnh lự phải không?

Đáp: Có một loại có thể nhập, có một loại không thể nhập, là Lợi căn có nhiều Thiện trợ dưỡng thân thì có thể hiện khởi, loại này có hai thứ: là lợi căn và nhiều Thiện căn trợ dưỡng. Như độn căn, tuy có nhiều Thiện trợ dưỡng, nhưng căn cơ chậm lụt không thể nhập, như lợi căn, không có nhiều Thiện trợ dưỡng thì không thể nhập, phải lợi căn có Thiện trợ dưỡng mới có thể khởi được Hỷ. Nếu như không thể nhập, thì khi đắc quả rồi mới riêng dẫn khởi Hỷ căn, sư Pháp nói: “Tại sao không nói Lạc”, vì Lạc tức là Hỷ thọ, có nghĩa là không có riêng Thể cho nên không nói. Như Đệ tam thiền, mới có Lạc thọ chân thật, cứ theo nghĩa này mà nói Lạc cũng được, trước đã dẫn chứng có Hỷ thọ, cũng có nói Lạc, nghĩa năm Căn vui thích tức là Lạc, nhưng vì không có phương tiện riêng để nhập Định tại năm Căn, cho nên bỏ mà không nói có, cũng không có hại gì!

**Luận ghi:** “Tám Căn nhập Sơ tĩnh lự, có ba căn một phần có thể nhập và một phần không thể nhập”, tám căn là năm Căn như Tín v.v..., Hỷ, Xả và Ý căn, vốn có phương tiện hợp chung lại nói. Nói “không thể nhập”, là Dị sinh không thể có Lạc căn, vì Thể suy yếu cho nên không nói. Đệ tam thiền có tám căn, đồng lấy Hỷ và Lạc, riêng Đệ tứ thiền trở lên thì trừ Lạc ra, có bảy căn còn lại, ba căn sau có thể biết.

Luận ghi: “Hoặc một căn hoặc tám căn đắc Sơ quả”, một căn là

Vị tri dục tri căn, đây là ở trong Hưởng mà đắc Quả. Tám căn là năm Căn như Tín v.v..., Xả, Ý và Vị tri dục tri căn là tám căn, là tổng và biệt hợp chung mà nói, Lạc căn thì ở tại Đệ tam thiền cho nên không lấy. “Hoặc hai căn hoặc chín căn chứng đắc quả Nhất lai”, là Vị tri dục tri căn và Dĩ tri căn là hai căn, chín căn là tám căn nói trên thêm Dĩ tri căn. Người tu theo thứ tự thì nương vào Dĩ tri căn mà siêu vượt cõi người, khởi Vị tri dục tri căn, vì hợp với Tác pháp. “Hoặc hai, hoặc chín Hỷ căn không phải kiên trụ”, là Hỷ căn của Vị chí định. “Nếu không phải hoặc chín hoặc mười căn của quả Bất hoàn, hoặc mười một hoặc hai căn”, là tổng và biệt hợp chung có mười một căn. “Mười một căn”, là năm Căn như Tín v.v..., Hỷ, Lạc, Xả, Ý, gồm Vị tri đương tri và Dĩ tri căn, các căn này đều thông vượt thứ tự mà luận, cho nên có mười một căn. “Hai căn”, là Vị tri đương tri căn, Dĩ tri căn và hai Giả căn, vượt thứ tự riêng, hợp chung mà luận cho nên có hai căn đắc quả thứ tư. “Hoặc một căn, hoặc mười căn”, một căn là Giả căn, đây là căn cứ theo Vô gián đạo, Hưởng cũng tức là Dĩ tri căn; mười Căn tức là năm Căn như Tín v.v..., Hỷ, Lạc, Xả, Ý và gồm một Giả căn, Đại thừa cũng được nói rằng vượt thứ tự, là Thể của quả thứ tư có hai căn, đều do mười căn mà đắc, hoặc Câu-xá luận nói thông với Giải thoát đạo thì căn đó cũng tức là thêm một Giả căn này.

**Luận ghi:** “Nương vào Nhất tánh xả làm Y xả và Chủng chủng xả”, tức là cùng với Định tâm câu xả mà xả Tán tâm xả, duyên Xả của Vô tướng giới làm Sở y mà xả Nhất tánh xả. Lại nữa, giải thích Xả của cõi Vô sắc chỉ duyên pháp trần gọi là Nhất tánh xả, cảnh của cõi Sắc có nhiều gọi là Chủng chủng xả, duyên Vô tâm xả gọi là Sở y xả, duyên với Hữu tâm gọi là Nhất tánh xả, hiện tại là duyên Không tâm xả mà xả duyên Hữu tâm xả.

Luyện căn của người có năm Chủng tánh, như Đối Pháp sao quyển 13 ghi: “Hỏi: Hoặc hàng Dự lưu khi tu Luyện căn, đã đắc Luyện căn rồi thì cũng chứng quả Nhất lai? Đáp: Chứng...”, là khi của Sơ quả chuyển căn thì khởi ý cầu Lợi căn và đắc quả thứ hai, khi đoạn sáu phẩm Hoặc thì quả trở lại chuyển căn, hai chướng của căn và quả là chỗ đoạn của Vô gián đạo. Đây là phỏng theo Đắc và Thời, tâm đồng với Đoạn mà nói, nếu có Thời kỳ tâm khác, thì cũng khác thời mà đắc quả... không đắc quả Bất hoàn.

**Luận ghi:** “Hai nhân mà có một Đối trị thì khó đắc”, tức là cõi Dục khi lìa Dục, là một trong ba điều khó, Phi tướng lại làm một khó nữa. “Nghĩa Sở đắc rộng lớn”, tức là quả công đức của thiền định rộng



lớn, cũng là hiển có nhiều quả Vô vi, không nói Nhất lai đắc Bất hoàn, vì không đồng quả Dự lưu, tuy đắc chỉ có Thời kỳ tâm khác, thì không có nghĩa là đồng thời đắc, không trái với sự lìa Dục, vì cũng căn cứ theo Thời kỳ tâm. Như thế, Nhất lai chuyển căn thì Vô gián đạo liền đoạn, có nghĩa là chưa đắc quả.

Hỏi: Luyện căn đạo tức là Đoạn đạo?

Đáp: Sư Pháp nói: “Như Luyện căn của Tiểu thừa Hữu học căn cứ theo Kiến đạo làm một phẩm, Luyện căn của Vô học thì chỉ có Tu đạo, làm chín phẩm. Nếu như thế thì trong đây như lấy người Nhất lai làm sáu phẩm Đoạn đạo thì làm sao có Luyện căn? Làm sáu phẩm thì liền thành, cho nên biết cũng không đắc một phẩm nào để làm sáu phẩm, cũng không được làm Luyện căn của chín phẩm. Đắc Nhất lai, tuy có sáu phẩm, nhưng hiện tại Đại thừa hoặc một phẩm Chân Như mà được khởi Luyện căn, hoặc sáu phẩm Chân Như mà khởi Nhất lai đạo, đều là Luyện căn của Thời kỳ tâm.

**Luận ghi:** “Đối với Thắng giải hạnh Địa mà lập Căn thứ nhất...”, điều này cũng có hai thuyết:

1. Nói rằng đây là Đại thừa, không như Tiểu thừa gọi Địa tiền là Thắng giải hạnh địa, mà gọi là Vị tri dục tri, nhập Kiến đạo, Vô gián đạo cho đến Kim cương định gọi là Dĩ tri căn, vì đã biết đầy đủ nghĩa Chân Như, chưa biết đầy đủ Chân Như gọi là Vị tri dục tri, không giống như Tiểu thừa lấy chỗ chưa biết mà biết trùng lên, gọi là Vị tri đương tri. Hiện tại văn của luận này làm chính, từ nhập Kiến đạo trở đi đều gọi là Dĩ tri căn, đến Như Lai địa thì sáng tỏ đầy đủ cho nên gọi là Cụ tri, Vô gián đạo và Kim cương dụ định vì chưa sáng tỏ đầy đủ cho nên không gọi là Cụ tri.

2. Nói rằng thật ra là Sơ căn, vì Kiến đạo và Vô gián đạo từ khi chưa xuất quán đến nay chính là mười lăm tâm trước, hiện tại là từ nhiều thời để hiển thị chỗ dễ hiểu mà nói, cho nên nói Thắng giải hạnh địa cũng không có gì trái nghịch, các nghĩa này đều là Chánh pháp tạng giải thích.

Trong ba viên mãn, đều là ở trong Học mà luận, trong câu hỏi thì phỏng theo Học mà đặt câu hỏi, cho nên ba viên mãn này đều có riêng Thể tánh, như Căn đầy đủ hai quả đầu, thì cũng được Định mãn, phải đoạn hết Hoặc chủng tử Đệ tam thiên trở xuống, cho nên khi đắc Diệt định thì mới đắc Quả mãn, tức là chỉ đoạn chín phẩm Dục, một phẩm của Địa cội trên chưa đoạn tức là đắc Vô học, cũng có ba Thể riêng là Căn mãn, Định mãn và Quả mãn. “Tức là tất cả”, là Quả mãn trong

đây, không thể làm thông lệ mà nói. Định thông với tâm và Vô tâm, Vô tâm đã đắc rồi thì mới đắc Định mãn. Quả mãn thì thông với Hữu học và Vô học, Vô học đã đắc rồi thì mới thành Quả mãn, vì trong Định thì Vô tâm định là quan trọng, Quả chướng thì Bất hoàn chướng là quan trọng.

**Luận ghi:** “Do bốn duyên mà các Căn gọi là không điều phục”,  
1. Lên đến khiến cho không buông lung, nếu đáng phải buông lung, thì xuống đến khiến cho không hiện khởi. 2. Sức đoạn Đối trị trở xuống, đến làm cho Tánh không nhiễm mắc. 3. Làm cho tánh phiền não không hiện hành trở lại. 4. Bốn duyên này đều thấy giải thích điều phục Căn trở xuống, bốn Căn thì giải thích ngược lại là không điều phục.

“Mười bốn Căn nhiếp ba tụ hữu tình”, là trừ Tín... tám căn ra, vì thuần Thiện. “Phần ít ngoại xứ”, là phù căn của năm Trần và pháp Xứ tâm sở... cho nên nói là phần ít. “Năm Căn nhiếp thọ”, là năm Thọ, ba Thọ trở lại nhiếp lẫn nhau. Trong không nhiếp Giác phẩm, “hoặc bốn hoặc sáu”, là hợp chung Nghiệp và Mạng làm một mà nói, cho nên bốn căn khai làm sáu căn, vì văn này căn cứ theo Chánh tư duy, tuy phát ngữ ngôn Gia hạnh không đồng với Tiểu thừa là Tâm, luận này thì lấy Tuệ sở y mà phỏng theo Thế, là chỗ nhiếp của Tuệ căn. Trong năm Căn như Tín v.v... và ba Vô lậu nhiếp nhau, thì Vô lậu là ba căn rộng, năm Căn như Tín v.v... là năm căn hẹp.

Biến tri, là Trí. Vô vi là từ nhân mà đặt tên, làm đề mục cho Biến tri; trong đây hoặc hai căn là Dự lưu vượt thứ tự lấy quả thứ tư; hoặc ba căn là người Bất hoàn vượt thứ tự, sau đó lìa Dục của cõi Sắc và cõi Vô sắc, hoặc bốn căn là Dự lưu theo thứ tự mà lấy, sau đó lìa Dục của ba cõi, đây là Kiến đạo trong Đại thừa chỉ có một phẩm cho nên như vậy; hoặc năm căn là Dự lưu và bốn Đế làm bốn quả, hiện tại Đại thừa cũng không được phân ra Giới, Địa khác thời, chỉ có một Đế làm một sát-na, vì siêu vượt thứ tự bốn quả mà lấy quả A-la-hán; “Năm căn hoặc sáu căn”, tức là Kiến đạo Nhị thừa có chung ba tâm, Kiến đạo có ba tâm; “sáu căn hoặc bảy căn”, là ba thứ Kiến đạo, bốn Đế và Tu đạo này; “bảy căn hoặc chín căn”, cũng như văn Tùy thuận lý môn; “hoặc mười căn”, như chương của Thập địa, trong đây không có một căn và tám căn, là do hai duyên mới được kiến lập. Biến tri, là Kiến đạo có sáu căn, thông đạt với Đế lý, Tu đạo có ba căn vĩnh viễn vượt qua các cõi. “Do Tướng đồng phạm, Giới không đồng phạm và Giới đồng phạm mà lập hai loại Biến tri”, là Khổ tập một vật, Tướng đồng phạm không phải cõi Sắc, không đồng phạm là cõi Dục, Khổ biến tri và Tập biến tri là

Khổ tập một vật, cõi Sắc và cõi Vô sắc hợp chung mà lập, là lập Tướng đồng phận và Giới đồng phận, cho nên lập Khổ tập biến tri của cõi Sắc và cõi Vô sắc. Đạo đế và Diệt đế khác nhau, vì cõi Dục không phải cõi Sắc và cõi Vô sắc, cho nên hai Biến tri của Diệt và Đạo lập trên cõi Dục; Kiến đạo khác nhau vì Địa của cõi Sắc và cõi Vô sắc đồng phận với Diệt đế, cho nên lập hai Biến tri của Diệt và Đạo trên cõi Sắc và cõi Vô sắc. Hợp chung với trước thì có sáu Biến tri, Kiến đạo trở xuống có ba Tu đạo.

**Luận ghi:** “Các tướng tùy hảo là Thiệt căn và là chỗ nương của bốn Căn”, là đặc tướng Thượng vị, đó là tướng hảo của Thiệt căn, còn lại chỉ có chỗ nương của bốn căn, là lông trên thân óng mượt, mỗi lỗ mỗi sợi; tướng Thiên bức luân, là chỗ nương của Thân căn; tướng Mã vương tàng, là chỗ nương của Nam căn; tướng mắt xanh biếc, là chỗ nương của Nhãn căn; tướng lưỡi rộng dài che khắp mặt, là chỗ nương của Thiệt căn. Mười Lực lấy Tuệ căn và Cụ tri căn làm Thể, trong đây căn cứ theo Vô úy thì năm Căn đều được làm Thể, đây là căn cứ theo điểm mạnh và thù thắng mà luận, như nói: “Như Lai có mười trí lực cho nên Tuệ là mạnh”, riêng nêu bốn Vô úy và năm Căn không có mạnh yếu, đều lấy làm Thể. “Ba loại Niệm trụ”, là lấy ba Thiệt căn: một là Vô tham, là đối với người khâm phục và ngưỡng mộ mà sinh. Hai là Vô sân, là đối với người hủy báng mà sinh. Ba là Vô si, hoặc thông, hoặc hạn chế, chỉ ở trong chỗ nương mà sinh.

**Luận ghi:** “Đại bi không phải chỗ nhiếp của Căn, mà là chỗ nhiếp của Vô sân, Vô si”, cho nên biết Vô si riêng có Thể tánh. “Sáu Căn chứng vĩnh viễn đoạn tập khí”, là năm Căn như Tín v.v... và Cụ tri căn.

**Luận ghi:** “Dị thực phẩm Tho trọng, là chỗ chứa đoạn được của A-la-hán”, có thuyết giải thích rằng: “Các chủng tử gọi là Dị thực, phẩm này tánh cứng như đá, do đó chứa đoạn được, cho nên có dơ cao chân vượt qua hầm hố...” Lại nữa, có thuyết khác giải thích rằng: “Do phiền não làm duyên và lực, do đó dẫn đặc tướng Dị thực Vô ký sinh khởi, phiền não tuy đoạn diệt, nhưng lực tập khí của phiền não khiến cho Thể của Dị thực do đó mà có tính đảm đương theo đuổi, gọi là Dị thực phẩm Tho trọng. Lại nữa, chủng tử pháp chấp, trong bốn loại Vô ký, thuộc Dị thực phẩm nhiếp. Phẩm là phẩm loại, là chủng loại của Dị thực”. Đây là giải thích của Phật Địa luận. Hiện tại do có Khổ Tho trọng này mà gọi là Dị thực phẩm Tho trọng, Như Lai thì đã đoạn vĩnh viễn.

**Luận ghi:** “Xúc có thể nhiếp Thọ, là hoặc Hỷ, hoặc Lạc, hoặc

một phần Xả”, đây là giải thích Xúc lấy sáu Thức làm Thể, sáu Thức này cùng với Xúc có thể nhiếp toàn phần hai Thọ là Hỷ và Lạc, và một phần Xả thọ. “Nhiếp ích”, có nghĩa là tăng trưởng, Ưu khổ là nghịch tổn không phải nhiếp ích, Xả thì thông với thiện quả và ác quả, đây là lấy thiện quả mà xả cho nên nói một phần, hoặc Xả thông với sự vui thích, vị lai và hiện tại lấy Hỷ lạc chưa sinh, cho nên nói một phần. Có người nói: “Do đây mà biết, lấy Xúc tâm sở làm Thể của Xúc thực”, điều này không thành giải thích, vì trái nghịch với Đối Pháp. Lại nữa, Tùy thuận lý môn này, Nhiếp luận nói: “Xúc thực thuộc sáu Thức, Ý thực và Tư thực hy vọng Hỷ căn, là nhiếp ích Thiện Thức”, Ý này đều là Thọ, cũng thông với ba Thọ là Hỷ, Lạc, Xả, nhưng vì tướng Hỷ thì thô cho nên nói thiên về Hỷ, hoặc chỉ nêu ra đa phần của cõi Dục mà nói, nhưng cõi trên cũng có chung Lạc thọ, Xả thọ ở cõi dưới tuy có nhưng ít cho nên không luận, đây là nói Dục cùng với ba Thọ đồng thời, Xúc thực và Tư thực gọi là Nhiếp ích, không muốn lấy hai tâm sở Thọ và Xúc, do Thức thứ tám của loại Nhiếp ích ở trước cho nên Xúc tâm sở duyên hiện tại, Thức, Ý và Tư thì duyên vị lai, sau Thức là sự minh lợi trưởng dưỡng, vì sau Thức là sự minh lợi trưởng dưỡng cho nên gọi là Thức thực, cũng là lấy chung sự trưởng dưỡng trong sáu Thức mà luận. Do Đoạn thực... ba loại Thực đầu nuôi dưỡng trì giữ Thức, khiến cho Ý căn chuyển biến sáng thịnh sinh trước thêm nhiều. Do hai thứ trưởng dưỡng cho nên Thùy miên... không phải Thực, trưởng dưỡng thứ nhất có thể khiến cho riêng có bốn Đại của các Căn tăng thịnh, mỗi mỗi đều khác nghĩa. Trưởng dưỡng thứ hai khiến cho không tổn hại. Trưởng dưỡng Thùy miên... thì có loại thứ hai, không có loại thứ nhất; Tư thực thì có loại thứ nhất, không có loại thứ hai, cho nên gọi là Thực.

Hỏi: Nếu như vậy thì Thiên nhãn lẽ nào không phải là chỗ trưởng dưỡng của Định?

Đáp: Tuy là từ chỗ phát khởi của Định, nhưng chính là chỗ sinh của Xúc thực và Tư thực trong Định, khiến cho trưởng dưỡng bốn Đại của các Căn tăng trưởng, Định chỉ khiến cho không tổn hại, không thể làm cho tăng ích.

**Luận ghi:** “Do ba môn cho nên hai loại tạp nhiễm tăng trưởng...”, ba môn là ba Thực đầu, Phiền não nghiệp có hai nhiễm ô, vì nương vào Thức thực, cho nên nuôi lớn đối với Thức, ngoài ra thì đều có hiện tiền.

**Luận ghi:** “Vì đa phần cho nên dễ giác tri”, là đa phần Tư thực này. Nếu như thế thì nghiệp sinh lẽ nào không phải là đa phần? Tức là

nói rằng dễ giác tri, lựa riêng với như giác. Nghiệp đời trước và phàm phu lìa chướng tuy dễ biết, đối với các Niệm trụ thì dễ nhập, cho nên nói bốn câu này: Đoạn thực nhập Thân, Xúc thực nhập Thọ, Thức thực nhập Ý, Tư thực nhập pháp. Tứ thực hằng ngày dễ trưởng dưỡng, cho nên ngoài ra đều không phải. Các Địa ngục trong đây có các Phong (gió) vi tế gọi là Đoạn thực. Tầm tứ địa trong Bản địa phần thì nói không có, là các luận đó căn cứ theo Địa ngục nặng, lại cũng khó biết cho nên không nói, đây mới là chính.

**Luận ghi:** “Tại sao có một Y là các Căn đồng phận kia”, là Căn đồng phận kia chỉ nương vào bốn Đại: một là Căn đồng phận hữu sắc, tức là nương bốn Đại và Thức tự phần. Hai là Căn. Ba là Ý nương Sắc mà trụ, một gọi là Y sắc, hai gọi là Y ý, ba gọi là Y chỗ trụ của tâm. Ba Căn và Tâm sở y lẫn nhau cũng vậy, cõi Vô sắc không có Sắc cho nên chỉ có hai Y, cho đến Thức thứ tám cũng vậy. Trong đây căn cứ theo “sự tăng thượng đồng thời”, tức là nói Căn. Tụng nói rằng: “Nghĩa nương Xứ chứng đắc, nhiếp Thực do các câu”. Trong đây có sáu Y xứ, từ tụng trước nói rằng: “Vài Căn do cảnh giới, hai y xứ Danh, Nghĩa”; “vài Căn trước do Phiền não chiêu cảm” trở xuống đến “các Căn của bốn Duyên gọi là không điều phục” trở lại, là thuyết minh về chứng đắc, “có mười bốn loại nhiếp Tam tụ hữu tình” trở xuống đến “chín Biến tri” trở lại, là thuyết minh về Nhiếp, như kinh đã nói. “Tứ thực” trở xuống, đến “Địa ngục có gió vi tế, vì khó biết cho nên không nói”, là thuyết minh Thực thứ năm, từ đây trở xuống là thuyết minh các câu.

**Luận ghi:** “Nhiếp trì đầy đủ tất cả nghĩa, nhiếp trì đầy đủ tất cả Hành nghĩa, gọi là Uẩn”, giải thích nói rằng: “Vì muốn thuyết minh niệm niệm nhiếp nghĩa cho nên có lời nói lập lại”. Lại nữa, giải thích câu nói thứ nhất là Thể, câu nói thứ hai là Năng thuyên, do Thể như vậy cho nên lập Danh như vậy, văn từ đây trở xuống, căn cứ theo đó mà biết.

Trong Uẩn... “có sáu nhân kiến lập”, thứ tự phối hợp với ba Thiện xảo. “Lấy giả làm Thân”, tức là mười hai Xứ, là chỗ nương của Giả.

Trong khiển trừ sáu Tà chấp, nói rằng: “Y chỉ tà chấp”, là kế chấp Y chỉ làm chỗ dừng, là nói Uẩn phá. Nhân là giới, Phá cũng có thể biết. “Ba Năng trì y chỉ tà chấp Ngã”, là Sắc năng trì của ngoại đạo. Y chỉ, là Ngã; hiện tại phá là mười hai Xứ, vì Thức năng trì là Sinh trưởng môn, ngoài ra đều có thể hiểu.

“Quán mười Lợi thù thắng của Thiện xảo”, có hai loại giải thích về mười Lợi thù thắng. Loại giải thích thứ nhất:

1. Đến “Tưởng hợp nhất”, là phá Ngã thường thứ nhất.
  2. Đến “thì liền không điều gì mà không hủy báng”, là phá Tà kiến hủy báng không.
  3. Đến “đã tin rồi thì khiến cho tăng trưởng”, là đoạn nghi sinh Tín.
  4. Đến “Thánh giáo trụ lâu”, là chánh pháp không mất duyên.
  5. “Ngộ duyên khởi lý” đến “không phải tác giả, không có Thật tánh”, là phá Ngã, Tác giả...
  6. “Tuệ căn quảng đại cho đến Duyên sinh sai biệt”.
  7. “Cho đến Duyên sinh sai biệt, đang khéo trụ niệm”.
  8. “Cho đến Nhất cảnh tánh”.
  9. “Cho đến khiến cho Thánh tuệ căn đang được sinh khởi”. 10. Đến “tùy chứng Lưu tận”.
- Loại giải thích thứ hai:
1. Trừ Tưởng hợp nhất... của Ngã chấp.
  2. Có pháp trụ, cho nên liền không thể hủy báng.
  3. Tự mình không có nghi hoặc.
  4. Khéo đáp câu hỏi của người khác.
  5. Khiến cho người khác tin tưởng.
  6. Khiến cho giáo pháp trụ lâu, trở xuống bốn câu còn lại có bốn chữ “lại nữa”, tức là mười giải thích Lợi thù thắng.
-



